



Ngân hàng Phát triển Châu Á & Việt Nam

THÔNG TIN TÓM TẮT

Bảng 1. Việt Nam: Các chỉ số phát triển

Các chỉ số không thuộc Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ	
Dân số (triệu người)	86.25 (2008)
Tốc độ tăng dân số hàng năm (%)	1.2 (2006-2008)
Tỷ lệ biết chữ (%)	90.3 (1999)
Tỷ lệ cư dân thành thị (%)	27.4 (2007)
Các chỉ số thuộc Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ	
Tỷ lệ dân số sống dưới mức 1,25 USD/ngày	21.5 (2006)
Tỷ lệ dân số sống dưới chuẩn nghèo quốc gia	16.0 (2006)
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi tử vong trên 1.000 trẻ em sinh ra	15 (2007)
Tỷ lệ dân số sử dụng nguồn nước uống đã xử lý	92 (2006)

MDG = Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ

Nguồn: ADB, 2009. *Thống kê cơ bản 2009*. Manila.

UNESCO, 2009. Trung tâm dữ liệu Học viện Thống kê.

Ngân hàng Thế giới, 2009. Dữ liệu trực tuyến các chỉ số phát triển của thế giới.

Việt Nam là một trong những nền kinh tế có tốc độ phát triển cao nhất ở Châu Á trong vòng 20 năm qua, với tốc độ tăng trưởng GDP thực bình quân đạt 7,4% trong giai đoạn 1989-2008. Tốc độ tăng trưởng cao cùng với hệ thống an sinh xã hội được cải thiện đã giúp Việt Nam giảm đáng kể tỷ lệ nghèo. Tỷ lệ nghèo của Việt Nam đã giảm từ 58,1% vào năm 1993 xuống còn 16% vào năm 2006.

Việt Nam đã có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong một thời gian dài và nâng cao đáng kể tính hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội nhờ thực hiện một loạt những cải cách về kinh tế và thể chế giúp đạt được tăng trưởng kinh tế và cải thiện những mục tiêu an sinh xã hội. Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung sang một nền kinh tế thị trường, từ một hệ thống bảo hộ xã hội chủ yếu dựa vào trợ cấp giá sang một hệ thống dựa trên những chương trình mục tiêu. Các cải cách định hướng thị trường bao gồm việc tư nhân hóa một phần các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, tự do hóa các thị trường, công nhận quyền sở hữu tư nhân. Các cải cách này đã khiến khu vực tư nhân phát triển mạnh.

Hơn nữa, Việt Nam đang ngày càng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và trở thành một điểm đến hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài. Việt Nam đã tham gia Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á vào năm 1995 và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007. Tỷ lệ xuất nhập khẩu hàng hóa so với GDP đã lên đến trên 150% vào năm 2007. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI thuần) tính theo mức độ giải ngân dao động trong khoảng 1,3 tỷ USD đến 1,8 tỷ USD trong giai đoạn 2002-2006, tăng vọt lên 6,6 tỷ USD vào năm 2007 và ước tính đạt 9 tỷ USD vào năm 2008.

Lạm phát và thâm hụt tài khoản vãng lai tăng trong nửa đầu năm 2008 nhưng giảm mạnh trong nửa cuối năm. Tỷ lệ lạm phát hàng năm đã giảm xuống 19,9% tại thời điểm tháng 12 năm 2008 sau khi đạt mức 28,3% tại thời điểm tháng 8 năm 2008. Thâm hụt tài khoản vãng lai đã thu hẹp lại, ước đạt mức 9,3% năm 2008 so với mức 9,9% năm 2007. Trong lúc đó, tốc độ tăng trưởng GDP thực đạt mức vừa phải là 6,2% so với mức trên 8% vào 3 năm trước đó, chủ yếu do các biện pháp chống lạm phát của Chính phủ và nhu cầu bên ngoài suy giảm. Trong nửa đầu năm 2008, Chính phủ đã thắt chặt đáng kể các chính sách tài chính và tiền tệ nhằm kiểm chế lạm phát và thâm hụt tài khoản vãng lai. Tuy nhiên, trong quý IV năm 2008, Chính phủ bắt đầu nới lỏng các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm nỗ lực giảm nhẹ các tác động tiêu cực của tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu đối với tốc độ tăng trưởng của Việt Nam. Đầu năm 2009, một số biện pháp kích thích tài chính đã được thực hiện và được tuyên bố sẽ thực hiện.

Thách thức kinh tế chủ yếu trong ngắn hạn đối với Chính phủ là hạn chế sự suy giảm tăng trưởng trong khi duy trì thâm hụt tài chính và thâm hụt tài khoản vãng lai ở mức có thể kiểm soát. Trong trung hạn, Việt Nam cần thúc đẩy tăng trưởng mà không làm tăng lạm phát và thâm hụt tài khoản vãng lai. Để đạt được mục tiêu đó, những trở ngại về cơ sở hạ tầng cần phải được dỡ bỏ, nguồn cung các lao động có tay nghề cần phải được tăng cường và hiệu quả của các khoản đầu tư công cần phải được cải thiện. Đồng thời, các cải cách định hướng thị trường, vốn bị chậm lại trong năm 2008 do những bất ổn kinh tế vĩ mô và điều kiện thị trường không thuận lợi, giờ cần phải được tiếp tục thúc đẩy.

Mặc cho những thách thức đó, triển vọng trong ngắn hạn và dài hạn của nền kinh tế vẫn sáng sủa. Các cam kết FDI mới đã tăng từ 20 tỷ USD trong năm 2007 lên 64 tỷ USD trong năm 2008. Gánh nặng nợ nước ngoài ở mức độ vừa phải, với tổng số nợ nước ngoài tương đương với khoảng một phần ba GDP và số nợ phải trả tương đương khoảng 4% giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ. Các khoản vay ưu đãi từ các tổ chức phát triển chiếm phần lớn số nợ nước ngoài.

Ngân hàng Phát triển Châu Á

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Quan hệ với ADB

Việt Nam là một trong những thành viên sáng lập của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) khi ngân hàng được thành lập vào năm 1966, nhưng các hoạt động hợp tác đã bị ngừng lại trong giai đoạn từ 1979 đến 1992, trước khi được nối lại vào năm 1993. Tổng số các khoản hỗ trợ kể từ khi ADB tái hoạt động tại Việt Nam bao gồm 78 khoản vay chính phủ trị giá 6,03 tỷ USD, 225 dự án hỗ trợ kỹ thuật trị giá 176,69 triệu USD và 23 dự án viện trợ không hoàn lại trị giá 135,6 triệu USD. ADB cũng đã phê duyệt 9 khoản vay phi chính phủ, 2 khoản bảo lãnh rủi ro chính trị và một khoản vay loại B với tổng trị giá 305 triệu USD. ADB còn tài trợ cho một số dự án hỗ trợ kỹ thuật khu vực trong khuôn khổ Tiểu vùng Mê-kông mở rộng (GMS).

Việt Nam hiện tại là một trong những nước nhận được nguồn hỗ trợ ưu đãi lớn nhất từ Quỹ Phát triển Châu Á (ADF). Việt Nam cũng là một đối tác quan trọng trong hoạt động vay vốn thông thường (OCR).

Tác động hỗ trợ

Ban đầu hoạt động của ADB tập trung vào việc khôi phục cơ sở hạ tầng và hỗ trợ các cải cách kinh tế. Kể từ năm 2002, ADB hỗ trợ các nỗ lực của chính phủ nhằm giảm nghèo, tập trung vào tăng trưởng bền vững, phát triển xã hội toàn diện, quản lý tốt và trọng tâm địa lý được đặt vào khu vực miền Trung. Một đánh giá vào năm 2002 cho thấy các dự án của ADB trong Chương trình và Chiến lược Quốc gia (CSP) giai đoạn 2002-2004 đã đáp ứng được những chiến lược phát triển của Việt Nam và đóng góp cho việc thực hiện những mục tiêu phát triển của đất nước. Đánh giá kiến nghị cần tập trung hơn nữa các hoạt động của ADB nhằm tăng cường hiệu quả phát triển, giảm các chi phí giao dịch và chi phí chung.

Trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, tầm quan trọng của các hoạt động hỗ trợ của ADB được xác nhận qua quá trình chuyển đổi kinh tế của đất nước và sự gia tăng nhanh chóng của đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước vào khu vực sản xuất chế tạo. Đặc biệt, các hoạt động kinh tế phát triển dọc theo các hành lang giao thông chủ chốt sau khi nâng cấp tuyến quốc lộ Hà Nội - Lạng Sơn, Hành lang Kinh tế Đông - Tây thuộc GMS, tuyến quốc lộ thành phố Hồ Chí Minh - Phnom Penh đã giúp tạo ra công ăn việc làm và giảm đáng kể tỷ lệ nghèo tại các khu vực này. ADB cũng

Bảng. Việt Nam: Các chỉ số kinh tế, 2004-2008

Chỉ số kinh tế	2004	2005	2006	2007	2008
GNI theo đầu người, tính theo phương pháp Atlas (USD)	540	620	700	790	...
Tăng trưởng GDP (% so với năm trước)	7.8	8.4	8.2	8.5	6.2
CPI (% so với năm trước)	7.7	8.3	7.5	8.3	23.0
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	5.6	5.3	4.8	4.6	4.7
Cán cân tài chính (%GDP)	-1.3	-3.6	-1.2	-5.5	-4.7
Tăng trưởng xuất khẩu (% so với năm trước)	31.4	22.5	22.7	21.9	29.1
Tăng trưởng nhập khẩu (% so với năm trước)	26.6	21.2	22.1	38.3	28.1
Cán cân tài khoản vãng lai (% of GDP)	-3.4	-0.9	-0.3	-9.9	-9.3
Nợ nước ngoài (%GNI)	40.5	36.9	33.9	34.7	...

... = không có số liệu. CPI = chỉ số giá tiêu dùng, GDP = tổng sản phẩm quốc nội, GNI = tổng thu nhập quốc gia.

Nguồn: ADB, 2009. *Triển vọng phát triển Châu Á 2009*. Manila.

Ước tính của chuyên gia ADB.

Ngân hàng Thế giới, 2009. Dữ liệu trực tuyến các chỉ số phát triển của thế giới.

Bảng 3. Việt Nam: Các khoản cho vay, hỗ trợ kỹ thuật và viện trợ không hoàn lại được phê duyệt trong năm 2008 (triệu USD)

Cho vay				
Chính phủ	Phi chính phủ	Hỗ trợ kỹ thuật	Viện trợ không hoàn lại	Tổng cộng
764.7	25.0	26.9	5.2	821.8

Tổng số các khoản cho vay lũy kế (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008) : 6.294,1 triệu USD

Tổng số giải ngân lũy kế (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008) : 2.633,7 triệu USD

đang hỗ trợ giải quyết vấn đề thiếu điện cung cấp, một trở ngại quan trọng đối với nỗ lực tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thông qua các khoản đầu tư vào các nhà máy nhiệt điện, thủy điện và hệ thống truyền tải điện.

Hoạt động hỗ trợ của ADB cho khu vực tư nhân thông qua các khoản cho vay chính sách và phát triển các tổ chức tài chính phi ngân hàng đã trợ giúp cho những nỗ lực của chính phủ và khiến các công ty tư nhân phát triển mạnh cả về số lượng cũng như vốn đăng ký.

Hỗ trợ của ADB đối với phát triển nông thôn và thủy lợi đã giúp tăng năng suất nông nghiệp và thu nhập của người nông dân thông qua việc nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và các đầu vào sản xuất, đa dạng hóa các loại cây trồng có giá trị cao và cải tiến các thông lệ quản lý nguồn nước.

Kể từ những năm 1990, hỗ trợ của ADB cũng đã có tác động đối với các lĩnh vực xã hội, chẳng hạn như trong lĩnh vực y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh xuyên biên giới, giáo dục trung học và giáo dục chuyên nghiệp. ADB đã trợ giúp Chính phủ nâng cao chất lượng của các cán bộ nhà nước thông qua các chương trình đào tạo và hiện đại hóa quản lý nhà nước và hỗ trợ những nỗ lực đấu tranh của Chính phủ chống lại nạn tham nhũng và hướng đến bình đẳng giới.

Định hướng tương lai

Chương trình và Chiến lược Quốc gia (CSP) hiện tại của ADB cho giai đoạn 2007-2010 được gắn kết và hỗ trợ cho việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội (SEDP) của Chính phủ giai đoạn 2006-2010. Chương trình và Chiến lược Quốc gia giải quyết những vấn đề hạn chế về cơ sở hạ tầng, phát triển xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng

Bảng 4. Việt Nam: Tổng số các khoản cho vay lũy kế của ADB tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Lĩnh vực	Số lượng	Tổng trị giá (triệu USD)	Tỷ lệ (%) ^a
Nông nghiệp và Tài nguyên thiên nhiên	19	842.97	13.39
Giáo dục	8	330.50	5.25
Năng lượng	9	980.14	15.57
Tài chính	10	467.00	7.42
Y tế, Dinh dưỡng và An sinh xã hội	7	241.20	3.83
Công nghiệp và Thương mại	4	108.50	1.72
Luật, Quản lý kinh tế và Chính sách công	6	196.40	3.12
Đa ngành	8	355.69	5.65
Giao thông và Liên lạc	18	2,378.90	37.80
Cấp nước, Vệ sinh và Quản lý Chất thải	9	392.82	6.24
Tổng cộng	98	6,294.12	100.00

^a Tổng số có thể không tròn 100% do làm tròn số

Bảng 5. Việt Nam: Tỷ lệ các dự án thành công

Theo lĩnh vực	Tỷ lệ ^a	Số lượng các dự án/chương trình được đánh giá
Nông nghiệp và Tài nguyên thiên nhiên	50.0	8
Giáo dục	100.0	2
Năng lượng	66.7	3
Tài chính	100.0	3
Y tế, Dinh dưỡng và An sinh xã hội	100.0	1
Luật, Quản lý kinh tế và Chính sách công	100.0	3
Đa ngành	75.0	4
Giao thông và Liên lạc	100.0	6
Cấp nước, Vệ sinh và Quản lý chất thải	75.0	4
Tổng cộng	79.4	34
Theo năm phê duyệt		
1970-1979	0.0	5
1990-1999	91.7	24
2000-2008	100.0	5

^a Dựa trên tổng hợp kết quả các báo cáo kết thúc dự án/chương trình (PCR), các báo cáo xác nhận PCR (PCRVR), và các báo cáo đánh giá chương trình/dự án (PPER) sử dụng các kết quả xếp hạng của PCRVR hoặc PPER trong tất cả các trường hợp có báo cáo PCR và kết quả xếp hạng PCRVR/PPER

Nguồn: Các báo cáo PCR, PCRVR, và PPER có kết quả xếp hạng được công bố tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

sống. CSP hướng mục tiêu đến sự tăng trưởng kinh tế vì người nghèo dựa trên sự phát triển của các doanh nghiệp, phát triển xã hội toàn diện và cải thiện việc quản lý tài nguyên thiên nhiên. Quản lý điều hành tốt, bình đẳng giới và thúc đẩy hợp tác khu vực cũng là những yếu tố chủ chốt trong CSP.

CSP đề cao vai trò phát triển của khu vực tư nhân, bao gồm cả mối quan hệ đối tác nhà nước tư nhân và sẽ dần dần chuyển các khoản hỗ trợ từ cách tiếp cận truyền thống dựa trên dự án sang các hình thức cho vay khác đa dạng hơn. Trọng tâm chính sẽ tập trung giải quyết các trở ngại phát sinh gây cản trở đối với việc tăng tốc đầu tư tư nhân, bao gồm những nỗ lực để i) phát triển cơ sở hạ tầng vật chất, ii) cải thiện môi trường tạo thuận lợi cho kinh doanh, iii) củng cố các thể chế tài chính và thể chế thị trường liên quan, iv) thúc đẩy việc phát triển nguồn nhân lực. Chương trình đầu tư của ADB thúc đẩy phát triển xã hội toàn diện và tăng cường quản lý môi trường. Báo cáo Đánh giá giữa kỳ của CSP đang được xây dựng từ đầu năm 2009 nhằm kiểm điểm những thành tựu mà CSP đã đạt được cho tới thời điểm hiện tại và xem xét những điều chỉnh cần thiết để đạt được các ưu tiên phát triển của Việt Nam trong thời gian còn lại của giai đoạn và giúp xây dựng CSP mới cho giai đoạn 2011-2015 trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2010-2015 và chiến lược mới của ADB, Chiến lược 2020.

Việt Nam vẫn tiếp tục là một trong những đối tác nhận nhận được nguồn hỗ trợ ưu đãi lớn nhất từ Quỹ Phát triển Châu Á (ADF), với khoản phân bổ dự kiến khoảng 713,8 triệu USD cho giai đoạn 2009-2010. Hoạt động vay vốn thông thường (OCR) cũng đem lại nguồn vốn bổ sung cho các dự án có tỷ suất thu hồi vốn cao hơn, chẳng hạn như các dự án cơ sở hạ tầng, với mức phân bổ khoảng 1 tỷ USD trong năm 2009. Tuy nhiên, nhu cầu vay vốn thông thường còn lớn hơn mức phân bổ đó nhiều và dự kiến sẽ còn tiếp tục ở mức cao trong trung hạn.

Do Việt Nam nằm trong số những quốc gia rất dễ chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, cùng với các đối tác phát triển khác, ADB đang chuẩn bị hỗ trợ việc thực thi chương trình quốc gia của Chính phủ để giải quyết những tác động của biến đổi khí hậu.

Những thách thức trong hoạt động

Chậm trễ trong tiến độ thực hiện là một vấn đề khó giải quyết đối với các dự án tại Việt Nam. Sự chậm trễ này có nhiều nguyên nhân, trong

Bảng 6. Việt Nam: Chỉ số chất lượng thực hiện các danh mục đầu tư của các khoản vay chính phủ giai đoạn 2007-2008

Số lượng các khoản vay đang thực hiện (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008)	2007 (triệu USD)	2008 (triệu USD)
Các cam kết/Hợp đồng được trao	261.0	390.5
Giải ngân	229.9	264.6
Tỉ lệ các khoản vay có rủi ro (%)	4.8	10.3

Bảng 7. Việt Nam: Các nhà thầu/Nhà cung cấp tham gia vào các dự án cho vay của ADB, từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Nhà thầu/Nhà cung cấp	Lĩnh vực	Giá trị hợp đồng (triệu USD)
Công ty Chế tạo Cột thép Hyundai-Đông Anh	Năng lượng	19.75
Công ty TNHH Cấp LS Vina	Năng lượng	16.66
Công ty TNHH Xây lắp điện số 1	Năng lượng	15.87
Công ty xây dựng số 47	Cấp nước, Vệ sinh và Quản lý chất thải	15.01
Licogi 9 – LHC	Cấp nước, Vệ sinh và Quản lý chất thải	14.10
Tổng công ty Xây dựng Phát triển Cơ sở Hạ tầng – Licogi	Năng lượng	13.21
Ticco-ICC040-SCC-Dreco	Cấp nước, Vệ sinh và Quản lý chất thải	10.66
Công ty Cấp điện Nexans Việt Nam	Năng lượng	9.86
Liên doanh Xây dựng và Thiết kế Waco-Sembcorp	Cấp nước, Vệ sinh và Quản lý chất thải	8.12

đó có sự chậm trễ trong việc thuê tư vấn, quy trình ra quyết định rắc rối và kéo dài, các đơn vị quản lý dự án có năng lực không cao và việc chuẩn bị cho dự án không được thực hiện chu đáo.

Để cải thiện tình hình, qui trình tiến hành các khoản trợ giúp kỹ thuật không hoàn lại và các khoản vay giữa ADB với chính phủ đã được xây dựng nhằm đảm bảo rằng các hoạt động tham vấn và ra quyết định đúng cách sẽ được phối hợp thực hiện để đẩy nhanh tiến trình phê duyệt. Các hướng dẫn về qui trình và quản lý tài chính được xây dựng để làm tài liệu tham chiếu trong quá trình thực hiện dự án. Năng lực thực hiện dự án của ADB đã được tăng cường với nhiều dự án đã được phân cấp cho Cơ quan đại diện thường trú của ADB tại Việt Nam.

ADB tiếp tục hợp tác với 5 thể chế tài chính quốc tế khác trong khuôn khổ nhóm Sáu Ngân hàng bao gồm Tổ chức Phát triển Pháp, Cơ quan Tái thiết Đức (KfW), Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng Xuất khẩu-Nhập khẩu Hàn Quốc (KEXIM) và Ngân hàng Thế giới, cũng như với các đối tác phát triển khác trong khuôn khổ Nhóm Đối tác Chính phủ-Nhà tài trợ về Hiệu quả Tài trợ. Mục tiêu của nhóm là nâng cao hiệu quả tài trợ thông qua việc hài hòa hóa và điều chỉnh thích nghi với các hệ thống của Việt Nam. Thành tựu đáng kể đạt được trong năm 2008 là một thỏa thuận chung về hướng dẫn nghiên cứu khả thi đáp ứng được các yêu cầu của Chính phủ cũng như của nhóm Sáu Ngân hàng nhằm thực hiện các công tác chuẩn bị cho dự án. ADB đang đi đầu trong các nỗ lực để hài hòa hóa các hướng dẫn của Chính phủ và hướng dẫn của nhóm Sáu Ngân hàng trong vấn đề đánh giá tác động xã hội và tác động môi trường.

Quan hệ đối tác

Là một phần trong hoạt động thường xuyên của mình, ADB duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các đối tác phát triển của Việt Nam

Bảng 8. Việt Nam: Các đơn vị tư vấn đứng đầu (tư vấn cá nhân và công ty tư vấn) trong các dự án cho vay của ADB, từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tư vấn	Số lần ký kết hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu USD)
HEC-1 và 2	2	1.39
Công ty dịch vụ tư vấn và lập kế hoạch Mediconsult	1	0.90
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lực Sông Hồng	1	0.84
Viện Nguồn Nước phía Nam	3	0.74
Công ty SMEC International Pty., Ltd./SMEC Holding, Ltd. (VIE)	2	0.58
Công ty Tư vấn GOPA	1	0.43
Đại học Y Hà Nội	2	0.31
Công ty Tư nhân Xây dựng Điện Biên số 5	3	0.30
Tư vấn cá nhân người Việt Nam*	29	0.29
Liên doanh Thanh Hóa và Quảng Bình WRS JSC	1	0.27
Công ty Xây dựng và Chuyển giao công nghệ	1	0.27

* Tư vấn có thể có một hoặc nhiều hợp đồng trong giai đoạn được thống kê.

Bảng 9. Việt Nam: Các đơn vị tư vấn đứng đầu (tư vấn cá nhân và công ty tư vấn) trong các dự án hỗ trợ kỹ thuật của ADB, từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tư vấn	Số lần ký kết hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu USD)
Tư vấn cá nhân người Việt Nam*	245	3.97
Công ty TNHH Tư vấn VICA	3	0.95
Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác I (Centre d'Etude et de Cooperation I)	1	0.83
Tổ chức GRET-VIE	1	0.77
Tổ chức SNV-VIE	1	0.77
Tổ chức Catholic Relief Services (CRS)-VIE	1	0.77
Trung tâm Phát triển Nông thôn (CRD)	1	0.71
Công ty Ernst and Young (thành phố Hồ Chí Minh)	1	0.61
Công ty PricewaterhouseCoopers Việt Nam.	1	0.24
Tổ chức Care International tại Việt Nam	1	0.23
Tổ chức CHF-VIE	1	0.22

* Tư vấn có thể có một hoặc nhiều hợp đồng trong giai đoạn được thống kê.

nhằm nâng cao hiệu quả và tác động của các chương trình cho vay và các chương trình khác của ADB. Mục tiêu của hoạt động phối hợp này là nhằm huy động được cả nguồn lực tài chính cũng như chuyên gia từ các đối tác phát triển khác. ADB đang đồng tài trợ cho chương trình tín dụng hỗ trợ giảm nghèo và các cải cách chính sách có liên quan. Đây là một chương trình do Ngân hàng Thế giới chủ trì với sự hỗ trợ của nhiều đối tác cung cấp vốn ODA khác. Khi chuẩn bị cho CSP giai đoạn 2007-2010, ADB đã tiến hành tham vấn với các đối tác phát triển khác nhằm xây dựng các chiến lược phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam và nhằm thiết lập một hệ thống các chỉ số chung ở cấp quốc gia phục vụ cho công tác theo dõi, đánh giá. ADB cũng phối hợp chặt chẽ với các đối tác phát triển khác nhằm giúp Chính phủ chuẩn bị các Chương trình Mục tiêu Quốc gia (NTP) về Nước và về Biển đổi Khí hậu. ADB cũng giữ vai trò tiên phong trong Nhóm Đối tác Y tế với tư cách là nhà tài trợ lớn nhất trong lĩnh vực này.

Đồng tài trợ và mua sắm

Các hoạt động đồng tài trợ cho phép các đối tác tài chính của ADB, bao gồm chính phủ và các cơ quan chính phủ, các tổ chức tài chính đa phương và các tổ chức thương mại, tham gia đóng góp tài chính cho

các dự án của ADB. Nguồn tài chính bổ sung này được cung cấp dưới hình thức các khoản viện trợ không hoàn lại, các khoản cho vay chính thức hoặc các sản phẩm hỗ trợ cho vay.

Trong năm 2008, Nhật Bản đã cung cấp một khoản vay trị giá 517,6 triệu USD để đồng tài trợ cho dự án xây dựng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây.

Tính đến cuối năm 2008, tổng giá trị gia tăng của các hoạt động tài trợ trực tiếp cho Việt Nam kể từ năm 1996 đã lên đến 846,7 triệu USD cho 15 dự án đầu tư và 51,4 triệu USD cho 63 dự án hỗ trợ kỹ thuật.

Có thể tham khảo Bản tóm lược các dự án đồng tài trợ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại địa chỉ www.adb.org/Documents/Fact_Sheets/VietNam/cofinancing.asp.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, đã có 10.330 hợp đồng tư vấn được trao theo các dự án cho vay của ADB với trị giá 4,17 tỷ USD, trong đó 274 hợp đồng được trao cho tư vấn Việt Nam với trị giá 25 triệu USD.

Có thể tham khảo các hợp đồng mua sắm hàng hóa, xây dựng và dịch vụ tư vấn được trao cho các công ty và tư vấn đối với các dự án tại Việt Nam tại địa chỉ www.adb.org/Documents/procurement.asp.

Việt Nam và ADB

Việt Nam là cổ đông đóng góp lớn thứ 21 trong số các thành viên trong khu vực và là cổ đông đóng góp lớn thứ 29 trong tổng số toàn bộ các thành viên.

Thành viên của ADB

Gia nhập	năm 1966
Cổ phần nắm giữ	12.076 (0.34%)
Số phiếu bầu nắm giữ	25.308 (0.57%)

Kyung-Hoh Kim là Giám đốc Điều hành và **James Tsuen-Hua Shih** là Giám đốc Điều hành phụ khuyết đại diện cho Việt Nam trong Ban Giám đốc Điều hành của ADB.

Ayumi Konishi là Giám đốc Quốc gia của ADB tại Việt Nam. Văn phòng Cơ quan đại diện thường trú của ADB tại Việt Nam (VRM) được khai trương vào năm 1997. VRM là đầu mối liên lạc hoạt động chủ yếu giữa ADB với chính phủ, khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội liên quan. VRM tham gia vào các hoạt động và đối thoại chính sách tại Việt Nam trên cơ sở những kiến thức của mình về các vấn đề phát triển.

Cơ quan của Chính phủ Việt Nam chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan đến ADB là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngân hàng Phát triển Châu Á

ADB là một ngân hàng phát triển đa phương thuộc sở hữu của 67 thành viên, trong đó có 48 thành viên trong khu vực và 19 thành viên ngoài khu vực. Công cụ chính của ADB để trợ giúp các nước thành viên đang phát triển là đối thoại chính sách, các hoạt động cho vay, đầu tư cổ phần, bảo lãnh, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật (TA). Trong năm 2008, tổng giá trị các khoản cho vay là 10,49 tỷ USD (86 dự án), các khoản trợ giúp kỹ thuật là 274,5 triệu USD (299 dự án) và các dự án viện trợ không hoàn lại là 811,4 triệu USD (49 dự án). Các khoản hỗ trợ này cũng tạo thêm 1,65 tỷ USD giá trị gia tăng trực tiếp từ các hoạt động đồng tài trợ của các đối tác khác. Trong vòng 5 năm (2004-2008), trung bình mỗi năm tổng giá trị các khoản cho vay của ADB là 7,7 tỷ USD, các khoản hỗ trợ kỹ thuật là 231,5 triệu USD và các dự án viện trợ không hoàn lại là 655,1 triệu USD. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng giá trị lũy kế của các khoản cho vay là 143,53 tỷ USD cho 2.147 dự án tại 41 quốc gia, của các dự án viện trợ không hoàn lại là 4,08 tỷ USD cho 263 dự án, của các dự án hỗ trợ kỹ thuật là 3,55 tỷ USD cho 6.599 dự án.

Liên hệ

Văn phòng đại diện của ADB tại Việt Nam

Phòng 701-706, Tòa nhà Mặt trời sông Hồng
23 Phan Chu Trinh
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 4 3 933 1374
Fax: +84 4 3 933 1373
www.adb.org/vietnam

Trụ sở chính của ADB

6 ADB Avenue, Mandaluyong City
1550 Metro Manila, Philippines
Điện thoại: +63 2 632 4444
Fax: +63 2 636 2444
information@adb.org

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

47-49 Lý Thái Tổ
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 4 3 936 3871/3 934 3364
Fax: +84 4 3 934 9569/3 825 0612
www.sbv.gov.vn

Những địa chỉ web hữu ích của ADB

Ngân hàng Phát triển Châu Á
www.adb.org

Trang web của ADB tại Việt Nam

www.adb.org/vietnam

Triển vọng Phát triển Châu Á

www.adb.org/Documents/Books/ADO/2009/VIE.pdf

Báo cáo hàng năm

www.adb.org/Documents/reports/annual_report/2008/

Thư viện lưu trữ

www.adb.org/Publications/Depositories/vie.asp